

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2022/HS-ST**
Ngày 29 - 12 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;
2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2022/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 12 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Tấn L, sinh năm 1988, tại An Phú, An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp T, xã N, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn H3, sinh năm 1956 và bà Trương Thị B, sinh năm 1965; anh, chị, em có 04 người, bị cáo là người nhỏ nhất; vợ Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1997; có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2021 đến nay.

Bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1995, tại An Phú, An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp T, xã N, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973 và bà Trần Thị P (không rõ năm sinh); anh, chị em có 03 người, bị cáo là người lớn nhất; vợ Trịnh ngọc Như Ý, sinh năm 2000; có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/7/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vụ án:*

1. Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn Sơn Phú, xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Ông Lê Tuấn V, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ 6, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Xã Lãng Công, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Ấp Tắc Trúc, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

5. Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Ấp Tắc Trúc, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

6. Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Ấp Tắc Trúc, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, tất cả những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/12/2021, Nguyễn Chí Linh ở Campuchia sử dụng số điện thoại 0862448640 gọi vào số 0868844635 của Huỳnh Tấn L và kêu L đưa Lê T2 V từ thành phố Châu Đốc đến xã Quốc Thái, huyện An Phú để V xuất cảnh trái phép sang Campuchia với tiền công 300.000 đồng, L đồng ý và Linh cho số điện thoại của V để L liên hệ. Sau đó, L sử dụng xe mô tô nhãn H1 Wave Alpha, biển kiểm soát 67G1-60625 đến bến xe thành phố Châu Đốc chở Lê T2 V đến nhà trọ Kiều Oanh thuộc xã Quốc Thái, huyện An Phú. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 09/12/2021, Linh điện thoại kêu L đến nhà trọ Kiều Oanh chở V đến chùa Ông Năm thuộc ấp Tân Thạnh (nay là khóm Tân Thạnh), thị trấn Long Bình, huyện An Phú để giao cho một người đàn ông, không rõ nhân thân, lai lịch để người này đưa sang Campuchia. Khoảng 04 giờ ngày 09/12/2021, trong lúc V chờ người đưa sang Campuchia thì bị tổ công tác phòng chống dịch Covid – 19 Đồn

biên phòng cửa khẩu Long Bình tiến hành phát hiện đưa Lê T2 V về trụ sở làm việc. Qua làm việc, V khai nhận được Huỳnh Tấn L chở từ thành phố Châu Đốc đến khu vực trên để xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày L đến Đoàn biên phòng cửa khẩu Long Bình đầu thú, thừa nhận hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra còn xác định: Ngoài lần thực hiện hành vi nêu trên Linh còn kêu L cùng với Nguyễn Văn H 02 lần đưa 07 người khách xuất cảnh trái phép sang Campuchia, cụ thể:

Lần một: Khoảng tháng 11/2021, Linh điện thoại kêu L chở 01 người khách nữ không rõ nhân thân lai lịch từ Cây xăng Đại Phát đến chợ Bắc Dai, xã Nhơn Hội để người phụ nữ này đi sang Campuchia. Khoảng 20 ngày sau Linh kêu L đến gặp Nguyễn Thị Cẩm T (em ruột của Linh) nhận 300.000 đồng tiền công. Lần này L không biết mục đích của Linh kêu L đưa người phụ nữ này để xuất cảnh sang Campuchia trái phép.

Lần hai: Ngày 03/12/2021, Linh điện thoại kêu Nguyễn Văn H cùng với L rước 06 người khách, gồm: Nguyễn Văn H1, Nguyễn H2 Quân, Hoàng Văn Nhơn và 03 người khác (chưa xác định họ, tên) từ chợ Đồng Ky về nhà trọ Kiều Oanh và nhà trọ Cẩm Hường tạm nghỉ, sau đó đưa 06 người này xuất cảnh trái phép sang Campuchia, H đồng ý. H rủ Huỳnh Văn T2 cùng đến cầu Long Bình gặp Linh, Linh đưa cho H 4.000.000 đồng, sau đó Linh kêu H đến gặp T (em ruột Linh) nhận thêm số tiền khoảng 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng để trả tiền xe taxi cho 06 người khách. Khoảng 18 giờ cùng ngày Linh kêu H đến Chợ Đồng Ky đón khách thì gặp 01 chiếc xe ô tô chở 03 người khách, H hướng dẫn tài xế chở 03 người khách này đến nhà trọ Kiều Oanh, rồi trả tiền xe cho tài xế khoảng 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng. Khoảng 21 giờ cùng ngày Linh tiếp tục kêu H đến của Ông Cái, thuộc xã Quốc Thái, huyện An Phú đón thêm 03 người khách còn lại, H tiếp tục rủ Huỳnh Văn T2 cùng đi đến điểm hẹn, khi đến chốt phòng, chống dịch bệnh Covid-19 thì thấy 01 xe taxi chở 03 người đang bị lực lượng Biên Phòng chặn kiểm tra nên H đến bảo lãnh rồi hướng dẫn tài xế chở 03 người khách đến nhà trọ Cẩm Hường, H trả tiền xe cho tài xế 4.000.000 đồng. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 04/12/2021, H cùng với L đến nhà trọ Kiều Oanh và nhà trọ Cẩm Hường đưa 06 người khách trên đến chùa Ông Năm khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Khoảng 02 ngày sau, Linh kêu H gặp Nguyễn Thị Cẩm T nhận 2.000.000 đồng tiền công, còn L do bị phát hiện nên chưa nhận được tiền từ Linh.

Ngày 29/12/2021 và 18/7/2022 Huỳnh Tấn L, Nguyễn Văn H bị khởi tố để điều tra, xử lý.

Cáo trạng số: 95/CT-VKSAG-P1 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố các bị cáo cùng về tội “*Tổ chức cho*

người khác xuất cảnh trái phép”. Huỳnh Tấn L bị truy tố theo điểm b, c khoản 2 Điều 348; Nguyễn Văn H bị truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Huỳnh Tấn L thừa nhận, theo chỉ dẫn qua điện thoại của Linh, L 3 lần thực hiện hành vi chở khách như nội dung vụ án đã nêu. Tuy nhiên lần chở người phụ nữ vào khoảng tháng 11 năm 2021 thì Linh không biết là để đưa xuất cảnh sang Campuchia. Lần thứ hai vào tháng 12 năm 2021 thì sau đó L mới biết. Lần thứ ba ngày 08/12/2021 thì L biết là đưa V xuất cảnh sang Campuchia. Trong 3 lần thì L mới nhận 300.000 đồng ở lần thứ nhất từ Cẩm T; hai lần sau chưa nhận tiền và cũng không thỏa thuận nhận bao nhiêu tiền. Chiếc xe Wave Alpha, biển kiểm soát 67G1-606.25 là cha bị cáo mua cho bị cáo. Người được tặng thưởng Huy chương kháng chiến tên Nguyễn Thị Hiệp là bà ngoại của bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận vào khoảng tháng 12 năm 2021 có nhận điện thoại từ Linh (là anh em chú bác) và cùng T2 đón 06 người khách từ 2 xe taxi đưa về nghỉ ở 2 nhà trọ. T2 chỉ theo chơi, không biết những người này đi đâu. Sáng hôm sau có cùng L đưa 06 người này đến khu vực Chùa ông Năm (thị trấn Long Bình). Khi Linh điện đón khách thì Linh nói là bạn của Linh đi du lịch, sau đó thì H mới biết những người này xuất cảnh sang Campuchia. H có nhận tiền công 2.000.000 đồng từ Cẩm T và đã nộp cho Công an. Khi trao đổi với Linh, H sử dụng số sim có 2 số cuối cùng là số 81. Khi biết đưa khách của Linh xuất cảnh thì H đã bỏ số sim điện thoại này.

Theo lời khai có trong hồ sơ,

- Nguyễn Thị Cẩm T, trình bày: Nguyễn Chí Linh là anh ruột của Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Chí Linh có nhờ T đưa cho L 300.000 đồng và đưa cho H 2.000.000 đồng, T không biết tiền trên là do Linh trả công cho L và H để đưa người xuất cảnh trái phép sang Campuchia.

- Huỳnh Văn T2, trình bày: Việc T2 đi chung với H để đón 06 người bạn của Chí Linh từ xe taxi sau đó đưa về nghỉ tại nhà trọ Kiều Oanh và nhà trọ Cẩm Hường là do H rủ T2 đi chơi, T2 không biết những người này sẽ xuất cảnh trái phép sang Campuchia và không có hưởng L.

- Lê T2 V, trình bày: Do có nhu cầu sang Campuchia kiểm tra hàng hóa và sợ bị cách ly nên V có nhờ đối tác bên Campuchia giới thiệu người để dẫn sang Campuchia và được đối tác bên Campuchia cho số điện thoại 0868844635 để liên hệ với người tổ chức cho V xuất cảnh trái phép sang Campuchia, sau này mới biết là Huỳnh Tấn L. Ngày 09/12/2021, sau khi được L chở đến khu vực Chùa ông Năm để chờ người đón sang Campuchia thì V bị lực lượng Biên phòng phát hiện.

- Nguyễn Văn H1, trình bày: Do không có việc làm, H1 được Nguyễn

H2 Quân rủ sang Campuchia tìm việc làm với mức lương 1.000 USD/tháng, chi phí đi lại sẽ có người lo. Ngày 25/11/2021, H1 cùng với Quân bắt xe khách từ xã Lăng Công, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc đến thành phố Hà Nội, sau đó vào thành phố Hồ Chí Minh, tại đây H1 và Quân ở lại nhà nghỉ, đến tối ngày 03/12/2021 thì được 01 xe ô tô chở đến khu vực huyện An Phú vào nhà nghỉ, sau đó H1, Quân và 04 người (không biết họ, tên) được người thanh niên (không biết họ tên) chở đi bằng xe mô tô đến khu vực bờ sông rồi cả 06 người xuống xuống máy qua Campuchia. Đến khoảng tháng 3/2022 do không có việc làm nên được Quân thuê người đưa H1 từ Campuchia về lại Việt Nam. Toàn bộ chi phí đi lại đều do Quân chi trả.

- Huỳnh Văn H2, trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 67G1-606.25 là của vợ, cH2 ông cho L đứng tên dùm và cho mượn để chạy xe thuê kiếm sống. Ông xin được nhận lại xe.

Trong lời luận tội, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; tình hình an ninh trật tự; mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân từng bị cáo, đã đề nghị tuyên các bị cáo đồng phạm tội *“Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”*.

Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn L từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù;

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng còn lại trong vụ án và tiền do phạm tội mà có. Đồng thời đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái, hứa khắc phục sửa chữa. Các bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố Tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoài Nam, Lê T2 V, Nguyễn Văn H1, Huỳnh Văn H2, Nguyễn Thị Cẩm T, Huỳnh Văn T2 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến về việc vắng mặt của họ. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp lời khai những người tham gia tố tụng khác; phù hợp các biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Các Biên bản khám nghiệm hiện trường (cùng bản ảnh, sơ đồ hiện trường) các ngày 13/12/2021 và 17/6/2022; Biên bản nhận dạng; Biên bản kiểm tra điện thoại; Kết luận giám định số 11/KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 28/02/2022 và Kết luận giám định số 228/KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 27/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang (kèm phụ lục) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có căn cứ xác định:

Huỳnh Tấn L có hành vi câu kết với Nguyễn Chí Linh (đang sống ở Campuchia) và Nguyễn Văn H tổ chức đưa người khác xuất cảnh trái phép 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 03, 04/12/2021 L câu kết với Nguyễn Chí Linh, Nguyễn Văn H tổ chức đưa 06 người, gồm Nguyễn Văn H1, Nguyễn H2 Quân, Hoàng Văn Nhơn và 03 người khác xuất cảnh sang Campuchia trái phép, NH chưa nhận được tiền.

- Lần thứ hai: Ngày 08,09/12/2021 L câu kết với Nguyễn Chí Linh tổ chức đưa Lê T2 V xuất cảnh sang Campuchia trái phép thì bị phát hiện.

Đối với lần L chở một người phụ nữ từ Cây xăng Đại Phát đến chợ Bắc Đại theo yêu cầu của Linh vào tháng 11 năm 2022 thì L không biết người này xuất cảnh sang Campuchia. Quá trình điều tra cũng chưa làm rõ họ tên, địa chỉ và người này có xuất cảnh không, nên chưa đủ căn cứ quy kết. Viện kiểm sát không quy kết trách nhiệm hình sự đối với L lần này là phù hợp quy định của pháp luật.

Nguyễn Văn H có hành vi câu kết với Nguyễn Chí Linh (đang sống ở Campuchia) và Huỳnh Tấn L tổ chức đưa 06 người, gồm Nguyễn Văn H1, Nguyễn H2 Quân, Hoàng Văn Nhơn và 03 người khác xuất cảnh sang Campuchia trái phép vào ngày 03, 04/12/2021, hưởng L 2.000.000 đồng.

Các bị cáo là những người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách

nhệm hình sự, biết việc đưa người xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nH cố ý thực hiện vì mục đích vụ L. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”. Bị cáo L tổ chức đưa 02 lần, trong đó có 01 lần đưa 06 người, nên bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” và “đối với từ 05 người đến 10 người” được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình; bị cáo H 01 lần đưa 06 người, nên bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “đối với từ 05 người đến 10 người” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình. Xác định, truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo Huỳnh Tấn L, Nguyễn Văn H theo Cáo trạng số 95/CT-VKSAG-P1, ngày 29 tháng 11 năm 2022 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Chí Linh đang sống tại Campuchia, chưa thể xác minh, làm rõ, nên xử lý sau là có căn cứ.

[2.2] Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước nói chung, trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh nói riêng. Ngoài ra còn ảnh hưởng trật tự an toàn xã hội, vi phạm quy định của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid -19. Hành vi của các bị cáo còn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn của cộng đồng.

[2.3] Đây là vụ án có đồng phạm, Nguyễn Chí Linh là đối tượng cầm đầu, liên hệ người có nhu cầu sang Campuchia. Các bị cáo L, H là người giúp sức, tiếp nhận thông tin, chỉ đạo từ Linh và được Linh trả tiền công. Các bị cáo vì mục đích vụ L, câu kết nhau cùng thực hiện hành vi tổ chức đưa người khác từ Việt Nam sang Campuchia trái phép. Các bị cáo đều có vai trò cùng thực hiện, cùng hưởng L. Nguyên nhân các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do các bị cáo không có việc làm ổn định; ý thức chấp hành pháp luật kém; là người ở khu vực biên giới, thường xuyên đi lại nên rành đường. Đồng thời, việc đưa người xuất cảnh trái phép tốn ít công nH thu được nhiều tiền. Động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo là vì L ích vật chất, không vì L ích khác.

[2.4] Bên cạnh hành vi phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” của các bị cáo còn có nhiều người khác có nhu cầu xuất cảnh, nhập cảnh, ý thức pháp luật kém, cố tình vi phạm, đã gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong việc kiểm soát người xuất cảnh, nhập cảnh; gây hoang mang, bức xúc trong Nhân dân.

[3] Về hình phạt:

Đối với bị cáo Huỳnh Tấn L, mặc dù khai chưa nhận tiền hưởng L, nH bị cáo là người đầu liên câu kết với Linh, bị cáo đã 02 lần tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép, trong đó có 01 lần tổ chức đưa 06 người. Do đó hình phạt đối với bị cáo L là cao hơn so bị cáo H. Riêng lần đầu đưa người phụ nữ vào tháng 11 năm 2021 không chứng minh được L người này xuất cảnh, nên không quy kết trách nhiệm hình sự đối với lần này là đúng quy định.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H, mặc dù bị cáo có nhận tiền hưởng L. Tuy nhiên trong đồng phạm bị cáo có vai trò thứ yếu, chỉ thực hiện việc đưa đón khách theo sắp đặt của Linh. Bị cáo chỉ 01 lần tổ chức đưa 06 người, nên hình phạt đối với bị cáo H là thấp hơn so bị cáo L.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo L, khi bị phát hiện, bị cáo đã chủ động đầu thú. Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; khai ra các phần phạm tội trước đó, giúp Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm mới. Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, ít am hiểu pháp luật, là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ; gia đình bị cáo thuộc diện gia đình có công Cách mạng, có bà ngoại được tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng nhất, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo H, bị cáo đã chủ động đầu thú. Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, ít am hiểu pháp luật, là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ; tự nguyện nộp lại số tiền thu L bất chính, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích trên, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của Vị đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ. Cần thiết áp dụng hình phạt tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa, nhằm có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị các cáo để các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, khắc phục, sửa đổi, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Xét các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] *Về những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

Đối với Lê T2 V và Nguyễn Văn H1 có hành vi xuất cảnh trái phép, nH chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này nên bàn giao hồ cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử phạt hành chính là đúng quy định.

Đối với Nguyễn Thị Cẩm T, là người cho Linh mượn tiền để trả cho H, L. T khai không biết việc việc H, L tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Quá trình điều tra không chứng minh được T có liên quan việc Linh, L, H tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép, nên không xử lý trách nhiệm hình sự là đúng quy định.

Đối với Huỳnh Văn T2, T2 là bạn của H, có cùng H đi đón khách, nH T2 không biết việc H tổ chức đưa những người này xuất cảnh sang Campuchia, T2 cũng không hưởng L, nên không xử lý trách nhiệm hình sự là đúng quy định.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn H2, ông H2 cho rằng xe mô tô biển số 67G1-606.25 là của vợ cH2 ông đưa tiền mua nH cho bị cáo L đứng tên. Tuy nhiên đây là loại tài sản có đăng ký quyền sở hữu, L là chính chủ và đã sử dụng xe nhiều năm. Xe được xác định là tài sản của bị cáo L, nên không chấp nhận yêu cầu được nhận lại xe của ông H2.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[6.1] Về biện pháp tư pháp: Theo thừa nhận của các bị cáo và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định, trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H hưởng L 2.000.000 đồng. Đây là tiền do phạm tội mà có, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 300.000 đồng mà L nhận từ T trong lần đưa người phụ nữ vào tháng 11 năm 2022. Do lần này L không chứng minh được L thực hiện hành vi phạm tội; L cũng xác định không biết người phụ nữ này xuất cảnh trái phép, nên không xem là tiền thu L bất chính, nên không buộc L phải nộp lại.

[6.2] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 67G1-606.25; điện thoại di động H1 Samsung Galaxy J4 kèm các sim số 0868844635 là của Huỳnh Tấn L sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với xe mô tô biển số 67G1-546.80; điện thoại di động H1 OPPO A5s (sim số H đã bỏ) là của Nguyễn Văn H sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với điện thoại di động H1 Nokia 105 kèm sim số 0702698714 là của Lê T2 V, không liên quan tội phạm, nên trả lại cho V.

- Đối với số tiền bị cáo H giao nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng là tiền do phạm tội mà có, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Tấn L là giấy tờ tùy thân, không liên quan tội phạm, nên trả lại cho bị cáo L.

[7] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Tấn L, Nguyễn Văn H đồng phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình,

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn L 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 31/12/2021 (Ngày ba mươi tháng mười hai năm hai nghìn không trăm hai mươi một).

2.2 Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/7/2022 (Ngày hai mươi hai tháng bảy năm hai nghìn không trăm hai mươi hai).

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước,

+ Tiền Việt Nam 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

+ 01 (một) xe mô tô H1 Honda, loại Wave Alpha màu trắng, biển số 67G1-606.25; 01 (một) điện thoại di động H1 Samsung Galaxy J4 kèm các sim số 0868844635 (của Huỳnh Tấn L).

+ 01 (một) xe mô tô H1 Yamaha, loại Exciter 150 màu xanh, biển số 67G1-546.80; 01 (một) điện thoại di động H1 OPPO A5s (của Nguyễn Văn H).

- Tuyên trả lại cho,

+ Lê T2 V 01 (một) điện thoại di động H1 Nokia 105 kèm sim số 0702698714.

+ Bị cáo Huỳnh Tấn L 01 (một) giấy chứng minh nhân dân.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/11/2022 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú và Biên lai thu tiền số 0003490 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

4. Về án phí:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

- Bị cáo Huỳnh Tấn L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt các bị cáo Huỳnh Tấn L, bị cáo Nguyễn Văn H. Thời hạn kháng cáo của các bị cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/12/2022).

Thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt khi tuyên án là 15 ngày kể từ ngày Bản án tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời H1 thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện An Phú (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1)
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ, CQĐT (2);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (2);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (2);
- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (6);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Sáu